

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2022/DS-ST

Ngày: 28-9-2022

V/v “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Văn Hồng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Minh Sơn

2. Ông Trương Minh Thọ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Ngọc Phú – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 111/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2022 về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-DS ngày 23/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 551/2022/QĐST-DS ngày 12/9/2022, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn A (viết tắt HD SAISON).

Địa chỉ: đường A, Phường B, quận C, thành phố D.

*Đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Hữu Nh, chức vụ: Tổng giám đốc.

*Đại diện theo ủy quyền:* Ông Phạm Gia H, chức vụ Trưởng phòng thu hồi nợ gián tiếp.

Ông Hưng ủy quyền lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ H – Nhân viên thuộc Phòng thu hồi nợ.

*Bị đơn:* Bà Trịnh Trần Tuyết Nh, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: đường A, Phường B, thành phố C, tỉnh D.

*(nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên trình bày:*

Ngày 16/7/2015 Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn A đã ký hợp đồng cho vay bằng tiền mặt số CR002255678 với bà Trịnh Trần Tuyết Nh. Theo hợp đồng, công ty A cho bà Nh vay số tiền 43.000.000đ (bốn mươi ba triệu đồng), lãi suất 3,25%/1 tháng (lãi suất 39%/năm), mục đích vay tiêu dùng cá nhân, bà Nh có trách nhiệm thanh toán số tiền 57.615.889đ (năm mươi bảy triệu sáu trăm mười lăm ngàn tám trăm tám mươi chín đồng), bao gồm tiền gốc, tiền lãi và phí bảo hiểm trong thời hạn 18 tháng, 17 tháng đầu mỗi tháng bà Nh phải thanh toán 3.246.678đ (ba triệu hai trăm bốn mươi sáu ngàn sáu trăm bảy mươi tám đồng), tháng cuối cùng thanh toán 2.422.360đ (hai triệu bốn trăm hai mươi hai ngàn ba trăm sáu mươi đồng). Kỳ thanh toán đầu tiên vào ngày 10/8/2015 và kỳ thanh toán cuối cùng là vào ngày 10/01/2017, bà Nh phải thanh toán cho công ty A vào ngày 10 hàng tháng.

Kể từ ngày vay cho đến nay, bà Nh mới thanh toán cho công ty 01 lần của kỳ thanh toán đầu tiên với số tiền là 3.246.700đ (ba triệu hai trăm bốn mươi sáu ngàn sáu trăm bảy mươi tám đồng), trong đó: Tiền gốc đã thanh toán là 2.274.024đ (hai triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn không trăm hai mươi bốn đồng), tiền lãi theo thỏa thuận là 918.926đ (chín trăm mười tám ngàn chín trăm hai mươi sáu đồng), tiền phí bảo hiểm là 53.750đ (năm mươi ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn). Sau đó bà Nh không trả thêm bất kỳ khoản tiền nào khác và công ty đã nhiều lần liên lạc yêu cầu bà Nh tuân thủ nghiêm túc nghĩa vụ thanh toán cho công ty theo hợp đồng, tuy nhiên công ty A không nhận được bất kỳ sự hợp tác nào của bà Nh.

Nay, bà Nh còn nợ công ty A số tiền 53.006.709đ (năm mươi ba triệu sáu trăm), trong đó gốc chưa thanh toán là 40.725.976 (bốn mươi triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn chín trăm bảy mươi sáu đồng), tiền lãi chưa thanh toán theo hợp đồng là 7.917.920 (bảy triệu chín trăm mười bảy ngàn chín trăm hai mươi đồng), tiền lãi quá hạn chưa thanh toán theo hợp đồng kể từ ngày 11/9/2015 cho tới ngày 08/4/2022 là 4.362.813 (bốn triệu ba trăm sáu mươi hai ngàn tám trăm mười ba ngàn). Do đó, công ty A yêu cầu Tòa án buộc bà Nh phải trả cho công ty A tổng số tiền 53.006.709đ (năm mươi ba triệu không trăm lẻ sáu ngàn bảy trăm lẻ chín đồng). Ngoài số tiền này công ty không yêu cầu bà Nh phải trả thêm bất kỳ khoản tiền nào khác.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Nh vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án: Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, nguyên đơn, bị đơn và thu thập chứng cứ, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, tiến hành hòa giải theo đúng quy định tại các Điều 26, 35, 39, các Điều 68 đến 72, các Điều 94 đến Điều 98, 170 đến 172, 203, 205, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của công ty A, buộc bà Trịnh Trần Tuyết Nh phải thanh toán cho công ty A tổng số tiền là 53.006.709đ (năm mươi ba triệu không trăm lẻ sáu ngàn bảy trăm lẻ chín đồng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án dân sự về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Trịnh Trần Tuyết Nh đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nh.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Theo tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện: Giữa công ty A có lập giấy đề nghị cấp tín dụng ngày 24/6/2015, số tiền vay là 43.000.000đ (bốn mươi ba triệu đồng). Sau khi lập hợp đồng thì ngày 22/7/2015 công ty đã chuyển số tiền 43.000.000đ (bốn mươi ba triệu đồng) vào tài khoản số 050028478973 là số tài khoản đăng ký tên của bà Nh. Bà Nh đã thanh toán được tháng đầu tiên là 3.246.678đ (ba triệu hai trăm bốn mươi sáu ngàn sáu trăm bảy mươi tám đồng)

vào ngày 10/8/2017, trong đó tiền gốc đã thanh toán là 2.274.024đ (hai triệu hai trăm bảy mươi bốn ngàn không trăm hai mươi bốn đồng). Như vậy, có đủ căn cứ xác định bà Trịnh Trần Tuyết Nh còn nợ của công ty A số tiền gốc là 40.725.976 (bốn mươi triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn chín trăm bảy mươi sáu đồng).

Đối với lãi suất mà công ty A áp dụng thì: Theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT -NHNN ngày 30/12/2016 “...*tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng...*” và theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 43/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về cho vay tiêu dùng thì “*Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung khung lãi suất cho vay tiêu dùng, công ty tài chính phải gửi báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước....*”. Theo hợp đồng cấp tín dụng thì giữa công ty A và bà Trịnh Trần Tuyết Nh thỏa thuận mức lãi suất 3,25%/1 tháng (lãi suất 39%/năm) và Công ty tài chính A xuất trình chứng cứ là đã có thông báo gửi Ngân hàng nhà nước, theo thông báo thì mức lãi suất cao nhất theo dư nợ giảm dần mà công ty A áp dụng là 69,3%. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận mức lãi suất mà công ty yêu cầu.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của công ty A, buộc bà Trịnh Trần Tuyết Nh phải trả cho công ty A số tiền là 53.006.709đ (năm mươi ba triệu không trăm lẻ sáu ngàn bảy trăm lẻ chín đồng), trong đó gốc chưa thanh toán là 40.725.976 (bốn mươi triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn chín trăm bảy mươi sáu đồng), tiền lãi chưa thanh toán theo hợp đồng là 7.917.920 (bảy triệu chín trăm mười bảy ngàn chín trăm hai mươi đồng), tiền lãi quá hạn chưa thanh toán theo hợp đồng kể từ ngày 11/9/2015 cho tới ngày 08/4/2022 là 4.362.813 (bốn triệu ba trăm sáu hai ngàn tám trăm mười ba ngàn).

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Trịnh Trần Tuyết Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là  $5\% \times 53.006.709\text{đ}$  (năm mươi ba triệu không trăm lẻ sáu ngàn bảy trăm lẻ chín đồng) = 2.650.335đ (hai triệu sáu trăm năm mươi ngàn ba trăm ba mươi lăm đồng). Hoàn trả công ty A số tiền 1.325.167đ (một triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn một trăm sáu mươi bảy đồng) tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự;
- Căn cứ Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn A về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với bị đơn bà Trịnh Trần Tuyết Nh.

Buộc bà Trịnh Trần Tuyết Nh phải trả cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn A số tiền là 53.006.709đ (năm mươi ba triệu không trăm lẻ sáu ngàn bảy trăm lẻ chín đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. *Về án phí*: bà Trịnh Trần Tuyết Nh phải chịu 2.650.335đ (hai triệu sáu trăm năm mươi ngàn ba trăm ba mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn A số tiền 1.325.167đ (một triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn một trăm sáu mươi bảy đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001870 ngày 01/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

3. *Về quyền kháng cáo*: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS thành phố Đà Lạt;
- THADS thành phố Đà Lạt;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu AV, HS.

**Hà Vân Hồng**